

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DS-PT

Ngày 13-12-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Ứng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Lê Văn Hữu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:***  
Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Minh H; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị S và anh Y T; cùng địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Y’K; địa chỉ: Bon Bu J, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt.*

***- Những người làm chứng:***

1. Bà Hồ Thanh Tr; địa chỉ: TDP 03, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Bà Nguyễn Thị Thúy K; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

***- Người kháng cáo:*** Bị đơn bà Nguyễn Thị S và anh Y T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-7-2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:*** Ngày 30-7-2018, bà cho bà

Nguyễn Thị S và anh Y T vay số tiền 1.111.000.000 đồng, hạn ngày 15-8-2018 trả đủ, nếu không trả được thì bà có quyền lấy thửa đất số 14, tờ bản đồ số 36, diện tích 15.910m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đến hạn trả nợ, anh T chỉ trả cho bà số tiền 363.000.000 đồng, còn nợ số tiền 748.000.000 đồng. Bà đã yêu cầu trả số tiền còn lại nhiều lần nhưng bà S và anh T vẫn không trả. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà S và anh T phải trả cho bà số tiền còn lại là 748.000.000 đồng.

**Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị S và anh Y T trình bày:** Năm 2015, bà S thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn tại Ngân hàng Y - Chi nhánh B số tiền 700.000.000 đồng. Năm 2018 đến hạn trả nợ, do không có tiền nên bà nhờ bà Hồ Thanh Tr và bà Nguyễn Thị Thúy K làm thủ tục đáo hạn ngân hàng. Sau khi đáo hạn, bà S làm thủ tục vay lại nhưng Ngân hàng nói vợ chồng bà tuổi cao không cho vay tiếp nên bà Tr và bà K giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Sau đó có người giới thiệu bà S gặp bà H để vay tiền. Ngày 30-7-2018, bà H viết 01 giấy mượn tiền với nội dung anh T (*con trai bà S*) mượn bà H số tiền 1.111.000.000 đồng, hạn đến ngày 15-8-2018 sẽ trả, nếu không có khả năng trả thì bà H được quyền bán rẫy để trừ nợ. Tuy nhiên, thực tế bà H chỉ bỏ ra số tiền 740.000.000 đồng đưa cho bà Tr và bà K để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S. Bà S và anh T đã trả cho bà H số tiền 420.000.000 đồng, chỉ còn nợ số tiền 320.000.000 đồng.

**Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y'K trình bày:** Ông là chồng của bà S. Ông thừa nhận có ký vào giấy vay tiền nhưng không biết nội dung như thế nào, thực tế bà S và anh T không mang tiền về nhà, ông không biết và không sử dụng số tiền này.

**Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:**

- Bà Hồ Thanh Tr: Năm 2018, bà S nhờ bà đáo hạn ngân hàng thì bà đồng ý. Bà S viết giấy vay của bà số tiền 420.000.000 đồng, bà đã đưa tiền cho bà S trả nợ ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, sau đó ngân hàng không cho bà S vay lại vì nợ xấu nên bà giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Sau đó khoảng 06-07 tháng, bà S dẫn bà H đến gặp bà để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H đưa cho bà số tiền 420.000.000 đồng, bà đã gạch sổ nợ và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H và bà S. Việc bà S và anh T vay tiền của bà H như thế nào thì bà không biết.

- Bà Nguyễn Thị Thúy K: Năm 2018, bà S nhờ bà đáo hạn ngân hàng thì bà đồng ý. Bà S viết giấy vay của bà số tiền 300.000.000 đồng, bà đã đưa tiền cho bà S trả nợ ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Sau đó ngân hàng không cho vay lại vì nợ xấu nên bà S đã sang tên cho bà N (*nhà ở xã Đ*), mục đích để bà N đứng tên vay tiền. Tuy nhiên, bà N cũng bị nợ xấu không vay được nên ủy quyền cho bà được toàn quyền sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó khoảng 06-07 tháng, bà S dẫn bà H đến gặp bà để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H đưa cho bà số tiền 320.000.000 đồng, trong đó có 300.000.000 đồng đưa cho bà S để trả ngân hàng và 20.000.000 đồng tiền lãi đáo hạn. Cùng ngày hôm đó, bà đã sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, đồng thời đưa giấy nợ của bà S và giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho bà H giữ. Việc bà S và anh T vay tiền của bà H như thế nào thì bà không biết.

*Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2022/DS-ST ngày 05-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:*

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 143; Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà S, anh T và ông Y'K phải trả cho bà H số tiền 748.000.000 đồng.*

*Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi thành án, biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 12-9-2022, bị đơn bà S và anh T kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời trình bày tại thời điểm viết giấy vay tiền ngày 30-7-2018 ở đơn vị anh Y T, nguyên đơn không giao tiền cho bị đơn mà khoảng 05 đến 07 ngày sau nguyên đơn mới giao tiền cho bị đơn tại nhà của nguyên đơn, khi giao tiền không lập biên bản giao nhận; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị S và anh Y T nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[1.2]. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền đã vay. Tại giấy mượn tiền, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 15-8-2018. Ngày 14-02-2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Quá trình giải quyết vụ án không có đương sự yêu cầu áp dụng thời hiệu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đã hết thời hiệu khởi kiện và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Kiện đòi tài sản*” là không đúng quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại mục 2 phần III Công văn số: 02/TANDTC-PC ngày 02-8-2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

[2]. *Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:*

[2.1]. Về số tiền vay: Bà H căn cứ theo Giấy mượn tiền đề ngày 30-7-2018 thể hiện bà S và anh T vay của bà H số tiền 1.111.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ vào ngày 15-8-2018 để khởi kiện yêu cầu bà S và anh T trả nợ số tiền vay 1.111.000.000 đồng, bà H thừa nhận bà S và anh Y T đã trả 363.000.000 đồng, số tiền nợ còn phải trả là 748.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà S và anh T không chấp nhận vì cho rằng mục đích vay tiền của bà H để trả nợ cho bà Tr và bà K cho vay đảo hạn Ngân hàng để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Tr và bà K đang giữ. Tại thời điểm ký giấy vay tiền ngày 30-7-2018, bà H không giao số tiền vay theo giấy vay tiền, sau khi ký giấy vay tiền thì đến ngày 02-8-2018 bà S đã đưa bà H đến gặp bà Tr và bà K, tại đây bà H là người trực tiếp giao tiền cho bà Tr 420.000.000 đồng, giao cho bà K 320.000.000 đồng và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng số tiền bà H đã giao là 740.000.000 đồng.

Xét lời khai của bà S, anh Y T là phù hợp với lời khai của bà H tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bà Tr (*tại bút lục số 59*) và “*giấy giao nhận*” đề ngày 02-8-2018 giữa bà K với bà H (*tại bút lục số 27*). Theo quy định tại Điều 463, Điều 465 của Bộ luật Dân sự thì bên cho vay phải giao tiền cho bên vay đầy đủ, đúng số lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng vay. Giấy mượn tiền đề ngày 30-7-2018 là hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận giữa các bên về số tiền vay theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, còn việc giao số tiền cho bên vay là nghĩa vụ của bên cho vay. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H thừa nhận và cho rằng tại thời điểm viết giấy vay bà H không giao tiền cho người vay (Y T, bà S) nhưng sau khoảng 05 đến 07 ngày thì bà H giao cho anh Y T 1.111.000.000 đồng tại nhà mình (*bà H*) và xác định việc giao nhận tiền không có ai làm chứng và không viết giấy nhận tiền. Tình tiết này anh Y T không thừa nhận. Như vậy trong trường hợp này bà H phải có nghĩa vụ chứng minh việc đã giao số tiền vay 1.111.000.000 đồng cho anh Y T theo quy định tại Điều 465 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho vấn đề nêu trên. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Như vậy, căn cứ các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bà H tại phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định ngày 30-7-2018 giữa bà H với bà S, anh Y T có xác lập hợp đồng vay số tiền là 1.111.000.000 đồng nhưng bà H chỉ giao số tiền vay là 740.000.000 đồng như đã nhận định nêu trên. Bà H thừa nhận bà S, anh Y T đã trả số tiền 363.000.000 đồng, như vậy xác định số tiền nợ gốc còn nợ chưa trả là 377.000.000 đồng mới đúng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 30-7-2018 để xác định bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 1.111.000.000 đồng và buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền còn lại 748.000.000 đồng là đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện, đầy đủ và không chính xác.

[2.2]. Về tiền lãi: Theo hợp đồng vay các bên không thỏa thuận lãi suất và theo đơn khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[2.3]. Về xác định nghĩa vụ trả nợ: Mặc dù ông Y'K không trực tiếp giao dịch vay tiền với bà H nhưng có ký vào giấy vay tiền và số tiền vay sử dụng để trang trải cuộc sống gia đình nên xác định là nợ chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Y'K có nghĩa vụ cùng với bà S và anh T trả nợ cho bà H là phù hợp.

[2.5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Từ những vấn đề nhận định, phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định số tiền vay thực tế là 740.000.000 đồng, bị đơn đã trả 363.000.000 đồng nên buộc bị đơn phải trả số tiền còn lại là 377.000.000 đồng. Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị S và anh Y T phải trả số tiền 371.000.000 đồng ( $748.000.000 \text{ đồng} - 377.000.000 \text{ đồng} = 371.000.000 \text{ đồng}$ )

[4]. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ*” đối với bà S và anh T. Cấp sơ thẩm đã tuyên tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho bà S và anh T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị S và anh Y T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2022/DS-ST ngày 05-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 465, khoản 1 khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H: Buộc bà Nguyễn Thị S, anh Y T và ông Y'K phải liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền vay còn lại là 377.000.000đ (*ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H về việc buộc bà Nguyễn Thị S và anh Y T phải trả số tiền 371.000.000đ (*ba trăm bảy mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2.** Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 09/2022/QĐ-BPKCTT ngày 25-02-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông cho đến khi bà Nguyễn Thị S và anh Y T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Minh H.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

**3.1.** Buộc bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu 18.550.000đ (*mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 16.960.000đ (*mười sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số S ngày 16-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Bà Nguyễn Thị Minh H còn phải nộp số tiền 1.590.000đ (*một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

**3.2.** Buộc bà Nguyễn Thị S, anh Y T và ông Y'K phải liên đới chịu 18.850.000đ (*mười tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị S và anh Y T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Q ngày 25-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trả lại cho anh Y T số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số R ngày 21-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

**Nguyễn Anh Ứng**